

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC DÂN TỘC TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VIỆT NAM

PHAN MINH PHỤNG (*)

TÓM TẮT

Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó có 53 dân tộc thiểu số với hơn 11 triệu người, chiếm khoảng 14,3% dân số cả nước. Chính sách giáo dục cho con em đồng bào dân tộc luôn được Đảng và Nhà nước ta xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Nhờ các chính sách phù hợp mà đến nay, giáo dục dân tộc đã có những bước tiến vượt bậc. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định “cơ hội tiếp cận giáo dục có nhiều tiến bộ, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách”. Tuy nhiên, Nghị quyết cũng xác định một số hạn chế như “hệ thống giáo dục thiếu liên thông giữa các trình độ...; “chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp...”. Để đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế thì vấn đề đổi mới chính sách, trong đó có đổi mới chính sách giáo dục dân tộc được xác định là một nhiệm vụ cơ bản và cấp bách.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống. Công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc được xác định là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Song song với việc ban hành các chủ trương, chính sách, tạo cơ chế đổi mới để nền giáo dục nước nhà tiến kịp với những

tiến bộ của thế giới, Đảng và Nhà nước ta còn ban hành các chủ trương, chính sách, chiến lược nhằm ưu tiên phát triển giáo dục vùng dân tộc, tạo điều kiện cho người thuộc dân tộc thiểu số có điều kiện đến trường học văn hóa, học nghề, thực hiện quyền học tập. Nhiều Chương trình mục tiêu quốc gia, nhiều Kế hoạch chiến lược dành học bổng, chính sách hỗ trợ đối với học sinh là người dân tộc thiểu số được triển khai. Từ đó, chất lượng dạy và học ở vùng dân tộc đã có nhiều chuyển biến rõ nét. Tuy nhiên, trên thực tế, các chính sách về giáo dục dân tộc hiện đã bộc lộ nhiều hạn chế. Thực tiễn này làm giảm khả năng tiếp cận một cách bình đẳng với nền giáo dục tiên tiến cũng như giảm cơ hội phát triển năng lực của các học sinh dân tộc thiểu số. Để thực hiện thành công công cuộc đổi mới **căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam**, thực tiễn hiện nay đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta cùng lúc phải giải quyết nhiều vấn đề, trong đó việc hoàn thiện các chính sách giáo dục dân tộc, từng bước giảm sự chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng, miền nhằm thúc đẩy quyền được giáo dục ở nước ta là một nhiệm vụ cấp bách.

2. THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC DÂN TỘC TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chăm lo giáo dục, phát triển năng lực và kỹ năng cho học sinh người dân tộc thiểu số ở các cấp học, đặc biệt là cấp học phổ thông là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện chính sách dân tộc, xây dựng và phát triển kinh tế - xã

(*) Thạc sĩ, Phó Trưởng khoa Quản lý hành chính Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện công bằng trong giáo dục. Trong khoảng thời gian 10 năm trở lại đây, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong đó có các chính sách liên quan đến giáo dục dân tộc. Hiện nay có khoảng 88 văn bản quy phạm pháp luật quy định về chính sách giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số bậc phổ thông. Nhìn chung, những **chủ trương, chính sách** đã ban hành thể hiện sự đầu tư đúng mức của Đảng và Nhà nước ta nhằm chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục ở vùng dân tộc, đặc biệt là chăm lo cho học sinh ở cấp học phổ thông. Có nhiều chính sách cùng được áp dụng để hỗ trợ cho giáo dục vùng dân tộc. Trong đó, có thể kể đến các chính sách cơ bản sau:

Thứ nhất, chính sách về mở trường, lớp; đầu tư các điều kiện phục vụ công tác dạy và học của học sinh vùng dân tộc; thành lập và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú.

Nằm trong hệ thống các trường phổ thông công lập của cả nước, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú được xác định có vị trí mũi nhọn trong sự nghiệp giáo dục vùng dân tộc và miền núi, trong việc tạo nguồn cán bộ là người dân tộc. Bằng nguồn kinh phí đầu tư ngân sách, đến nay, hệ thống trường dân tộc nội trú có bước phát triển sâu rộng. **Các địa phương đã chú trọng quy hoạch mạng lưới các trường phổ thông dân tộc nội trú. Các tỉnh, huyện có đông người dân tộc thiểu số, có nhu cầu và đủ điều kiện mở rộng trường đều có trường dân tộc nội trú. Các tỉnh, thành vùng đồng bằng sông Cửu Long cơ bản đã phủ kín trường dân tộc nội trú ở các huyện có từ 10.000 người dân tộc thiểu số trở lên.**

Tuy nhiên, hiện nay, việc liên thông giữa cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông của hệ thống trường nội trú còn hạn chế.

Theo thống kê, trong tổng số 297 trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn 49 tỉnh và thành phố cả nước mới chỉ có 28 trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông (Ủy ban Dân tộc, 2012, tr.1). Vì vậy nhiều học sinh ở những huyện vùng cao có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, sau khi học xong phổ thông cơ sở ở trường nội trú huyện không có điều kiện tiếp tục học lên phổ thông trung học vì trường học quá xa nhà.

Kết quả khảo sát từ đề tài “Chính sách giáo dục đối với học sinh dân tộc bậc phổ thông từ thực tiễn một số tỉnh **đồng bằng sông Cửu Long**” cho thấy, do mạng lưới các trường phổ thông dân tộc nội trú chưa phát triển thành hệ thống liên thông từ bậc trung học cơ sở tới trung học phổ thông, chưa thực hiện được việc phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp các cấp học trong phổ thông dân tộc nội trú, cho nên tình trạng học sinh **dân tộc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long** học ở các trường dân tộc nội trú sau khi tốt nghiệp cấp trung học cơ sở không được đi học tiếp còn nhiều, số học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông phải trở về quê còn chiếm tỷ lệ khá cao. Con số này theo thống kê chung của cả nước vào khoảng 38,6% (Ủy ban Dân tộc, 2012, tr.1). Thực trạng này dẫn đến lãng phí nguồn lực con người, đồng thời giảm cơ hội được học tiếp của con em người dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, quy mô của các trường phổ thông dân tộc nội trú ở các địa phương lại không đồng đều, một số địa phương thiếu trường dân tộc nội trú trung học cơ sở ở cấp huyện nên trường nội trú tỉnh quá tải. Ví dụ, tại tỉnh Sóc Trăng, toàn tỉnh hiện có 07 trường dân tộc nội trú trung học cơ sở **cấp** huyện nhưng chỉ có 01 trường dân tộc nội trú trung học phổ thông (Trường Phổ thông dân tộc nội trú Huỳnh Cương) của tỉnh và 01 trường dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông. Trong

khi đó chỉ tiêu tuyển sinh của các Trường phổ thông dân tộc nội trú chỉ đáp ứng khoảng 30% so với nhu cầu thực tế nên khoảng 70% học sinh dân tộc tốt nghiệp ở bậc trung học cơ sở không có cơ hội được học tiếp tại trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh.

Thứ hai, chính sách về cử tuyển vào đại học.

Cử tuyển là một trong những chính sách nhằm đào tạo đội ngũ tri thức dân tộc thiểu số để tăng cường đội ngũ cán bộ cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần nâng cao dân trí thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo bền vững của các địa phương. Theo quy định, các em được cử tuyển trong quá trình học tập được hưởng chế độ hỗ trợ của Nhà nước như: học bổng chính sách theo quy định; trợ cấp tiền ăn, ở, đi lại, mua sách vở, đồ dùng học tập, bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, chính sách này cũng bộc lộ những hạn chế: về chỉ tiêu, mỗi năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến phân bổ về các địa phương: 3.000 - 4.000 chỉ tiêu/năm, nhưng trên thực tế các tỉnh chỉ đăng ký và thực hiện khoảng 3.000 chỉ tiêu. Theo báo cáo của Ủy ban dân tộc khi đánh giá tình hình thực hiện chính sách cử tuyển đã nhận xét, “chỉ tiêu ít, nhưng hằng năm thực hiện không hết, việc đề xuất chỉ tiêu của địa phương và giao chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo hàng năm chưa xác định được vùng cần được ưu tiên, dân tộc cần được quan tâm nhiều hơn, nhất là những tỉnh có nhiều xã đặc biệt khó khăn, có nhiều dân tộc, dẫn đến tình trạng lãng phí, có nơi thừa, nơi thiếu (Ủy ban Dân tộc, 2012, tr.2).

Thứ ba, chính sách về kinh phí đào tạo.

Nghị định số 134/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định kinh phí đào tạo do địa phương chi trả bao gồm học phí, phụ cấp sinh hoạt, phụ cấp chính sách và các chi phí khác. Nhưng các địa phương vùng dân tộc thiểu số đều là tỉnh nghèo nên việc yêu cầu chi trả kinh

phí thực hiện chính sách cử tuyển gặp khó khăn, **do đó các địa phương cũng chưa thực hiện hết chỉ tiêu được giao.**

Thứ tư, chính sách về học bổng chính sách.

Theo quy định tại Thông tư 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 05 năm 2009 hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc thì học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỉnh, huyện và các trường dự bị đại học dân tộc tiếp tục được hưởng học bổng chính sách bằng 80% mức lương tối thiểu của Nhà nước và được hưởng 12 tháng trong năm. Quy định này tạo điều kiện cho con em người dân tộc thiểu số có cơ hội để đến trường. Tuy nhiên, chính sách này cũng tồn tại hai hạn chế lớn, đối tượng hưởng học bổng chính sách mới chỉ triển khai đến học sinh dân tộc thiểu số đang học trong các trường phổ thông dân tộc nội trú và mức học bổng còn thấp so với cơ chế thị trường và nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của học sinh.

Kết quả khảo sát (Phan Minh Phụng, 2013) cho thấy, có 93,3% lãnh đạo các trường, 85% giáo viên và 97,4% học sinh dân tộc được khảo sát đều cho rằng mức học bổng hiện hành là chưa phù hợp với điều kiện sinh hoạt (không đủ chi phí).

Thứ năm, chính sách về trợ cấp xã hội đối với học sinh dân tộc thiểu số.

Hiện nay, theo quy định Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 về một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú thì học sinh người dân tộc thiểu số đang học trung học phổ thông tại trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học thuộc loại hình công lập, nhà ở xa trường hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, phải ở lại trường hoặc khu vực

gần trường để học tập thì mới được hỗ trợ tiền ăn mỗi tháng bằng 40% mức lương tối thiểu chung và được hỗ trợ tiền nhà ở bằng 10% mức lương tối thiểu chung và được hưởng không quá 9 tháng/năm học. Đây là một chính sách ưu tiên, hỗ trợ cho các em học sinh dân tộc thiểu số đang học bán trú có điều kiện tiếp tục đến trường. Tuy nhiên, mức hỗ trợ tiền ăn, ở này là quá thấp, không đủ chi phí để học sinh yên tâm học tập.

Thứ sáu, chính sách đối với sinh viên các trường đại học, cao đẳng.

Thực tế cho thấy, học sinh dân tộc thiểu số bước vào học các trường **đại học, cao đẳng** là cả quá trình phấn đấu. Tuy nhiên, hiện nay chưa có chính sách khuyến khích học sinh khá giỏi người dân tộc thiểu số đang học tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Ngoài ra, trong vấn đề này, còn có một nghịch lý là cùng là đối tượng dân tộc thiểu số, nhưng số học sinh có học lực khá thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng hệ chính quy lại không được hưởng các chính sách, chế độ ưu đãi như học sinh hệ cử tuyển.

Thứ bảy, chính sách đối với nhà giáo, người lao động và cán bộ quản lý giáo dục tại miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

Tại Điều 8 Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, quy định thời gian hưởng phụ cấp thu hút không quá năm năm. Việc quy định thời gian như vậy là chưa thu hút được những giáo viên muốn công hiến lâu năm tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Để giải quyết được những khó khăn nêu trên, tạo cơ hội cho các học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số được tiếp cận một nền giáo dục có chất lượng, yêu cầu của thực tiễn hiện nay đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta cùng

lúc phải giải quyết nhiều vấn đề, trong đó việc hoàn thiện chính sách giáo dục dân tộc, từng bước giảm sự chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng, miền nhằm thúc đẩy quyền được giáo dục ở nước ta là một nhiệm vụ cấp bách, cần được quan tâm hàng đầu.

3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA NHẪM HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC DÂN TỘC TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

Chính sách giáo dục dân tộc là một nội dung của chính sách dân tộc. Trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, chính sách giáo dục dân tộc của Nhà nước sẽ được bổ sung, hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của đất nước. Để hoàn thiện chính sách giáo dục dân tộc, trước hết, ngành giáo dục cần rà soát, đánh giá lại tính phù hợp, tính hiệu quả của các chính sách giáo dục dân tộc để từ đó có cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn điều chỉnh chính sách cho phù hợp. Đồng thời, khi xây dựng chính sách, cơ quan có thẩm quyền cần chú trọng các yêu cầu sau:

Thứ nhất, xác định đối tượng hưởng lợi của chính sách là ai để có cơ chế cho phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

Thứ hai, xác định mục tiêu của chính sách cần đạt được là gì để định hướng nội dung chính sách.

Thứ ba, lựa chọn loại hình chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng, từng mục tiêu.

Thứ tư, bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan và khả năng triển khai các chính sách vào thực tiễn.

Thứ năm, xác định mức giá trị tài chính mà các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hướng đến vừa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng, địa phương vừa đảm bảo khích lệ và tạo điều kiện cần thiết để giúp học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số tiếp cận được với những cơ hội giáo dục, và đặc

biệt là vẫn bảo đảm công bằng đối với các thành phần khác trong xã hội.

Thứ sáu, xác định các điều kiện đi kèm để hưởng chế độ chính sách giáo dục nhằm đảm bảo người hưởng lợi từ các chính sách thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ khi hưởng chính sách.

Thứ bảy, có quá trình thử nghiệm và đánh giá tác động của các chính sách đó.

Thứ tám, tổ chức diễn đàn lắng nghe, tham gia và nâng cao tiếng nói, năng lực của học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số; đưa kết quả học tập của học sinh, sinh viên vào một phần quan trọng trong khung chính sách; đánh giá và cải thiện các chế độ ưu đãi.

Hiện nay, **các nội dung yêu cầu ở mục thứ năm, thứ sáu, thứ bảy và thứ tám, Việt Nam cần nghiên cứu, thực hiện tốt hơn thì quá trình ban hành, tổ chức thực hiện** chính sách giáo dục dân tộc mới đạt được mục tiêu mong muốn.

4. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CẦN SỬA ĐỔI BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN 2014-2020

Hiện nay, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế về giáo dục đã trở thành xu thế tất yếu. Cách mạng khoa học công nghệ, kinh tế tri thức ngày càng phát triển mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới. Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục. Thời cơ cho giáo dục là rất lớn, tuy nhiên, hiện nay, nền giáo dục Việt Nam vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn. Con em các dân tộc thiểu số nhất là ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, giao thông cách trở chưa được học hành đầy đủ trong các nhà trường; công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục chưa được cải thiện. Đây là một thách thức vô cùng lớn trong điều kiện hội

nhập hiện nay. Thực tiễn này đòi hỏi nhà nước phải có sự đổi mới căn bản về giáo dục, cả về lý luận cũng như những giải pháp thực hiện. Trong đó việc xây dựng và bổ sung các chính sách giáo dục dân tộc nhằm ưu tiên nguồn lực, tài lực để hỗ trợ cho con em đồng bào dân tộc thiểu số đến trường là một nhiệm vụ lớn cần định hướng và quan tâm. Từ thực tiễn nghiên cứu, xin đề xuất một số giải pháp:

Thứ nhất, ban hành chính sách nhằm mở rộng hệ thống trường nội trú liên thông cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và tăng chỉ tiêu tuyển sinh đảm bảo cho con em dân tộc được đến trường. Đối với những nơi không đủ điều kiện mở trường hoặc các lớp nội trú thuộc hệ phổ thông trung học cơ sở và trung học phổ thông, nên học sinh dân tộc thiểu số thuộc đối tượng được vào học ở trường nội trú, bán trú phải học ở các trường phổ thông công lập, đề nghị xem xét cho các em được hưởng chính sách như học sinh học ở các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Thứ hai, ban hành chính sách nhằm tăng chỉ tiêu cử tuyển cho học sinh người dân tộc thiểu số.

Thứ ba, nghiên cứu, sửa đổi việc chi phí hỗ trợ cho học sinh cử tuyển là ngân sách trung ương phân phối về các địa phương để các em không bị cắt xén do kinh tế địa phương eo hẹp.

Thứ tư, ban hành chính sách nhằm nâng mức học bổng cho học sinh nội trú theo hướng sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 từ 80% lên 100% mức lương tối thiểu.

Thứ năm, ban hành chính sách nhằm nâng mức trợ cấp xã hội đối với học sinh dân tộc thiểu số theo hướng sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 65/2011/TTLT-BGDĐT-BTC-BKHĐT ngày 22 tháng 12 năm 2011 về hướng dẫn thực hiện Quyết

định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú từ 40% lên 100% mức lương tối thiểu.

Thứ sáu, ban hành chính sách nhằm trợ cấp cho sinh viên người dân tộc thiểu số thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn thi đậu vào các trường đại học, cao đẳng và sau đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thứ bảy, ban hành chính sách thu hút cán bộ giáo viên muốn cống hiến lâu dài ở vùng dân tộc theo hướng sửa đổi, bổ sung Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, quy định thời gian hưởng phụ cấp thu hút là 10 năm.

Đổi mới chính sách giáo dục dân tộc đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục là một nhiệm vụ quan trọng đòi hỏi Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm, nghiên cứu, làm sao để các chính sách ban hành thể hiện sự phù hợp, khả thi, từng bước cải thiện cơ hội tiếp cận giáo dục, tiến tới bình đẳng về quyền được tiếp cận giáo dục của đồng bào dân tộc thiểu số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*.
2. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*, ban hành theo Quyết định 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 03 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.
3. Ủy ban dân tộc và miền núi; Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương (2000), *Sổ tay công tác dân tộc và miền núi*.

4. Ủy ban dân tộc (2012), *Báo cáo số 56/BC-UBDT ngày 19 tháng 07 năm 2012 của Ủy ban dân tộc về những bất hợp lý cần khắc phục trong chính sách giáo dục, đào tạo và đề xuất phát triển giáo dục vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2020*.

5. Phan Minh Phụng (2013), *Chính sách giáo dục đối với học sinh dân tộc bậc phổ thông từ thực tiễn một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long*, đề tài khoa học năm 2013.

6. Tổng cục Thống kê Việt Nam (2009), *Kết quả điều tra dân số năm 2009*.

ABSTRACT

Vietnam has 54 ethnic groups, of which there are 53 ethnic minority groups with more than 11 million people, accounting for 14.3% of the national population. Throughout the nation's history, education policies for the ethnic minority children have always been identified the most important tasks by the Party and the state. Thanks to the consistent policy so far, the ethnic education has made great progress. The resolution of the Eighth Central Committee of the Communist Party of Vietnam Term XI on comprehensive, fundamental innovations of education and training, identified "opportunities to access to education has progress, especially ethnic minorities and the policy objects". However, the resolution also identified a number of limitations such as "the education system lacks transferability between levels...;" financing policies, mechanisms for education and training is not appropriate... ". For comprehensive, fundamental education innovations of Vietnam towards standardization, modernization, socialization, democratization and international integration, the innovation policy issues, including national education policy innovation was identified as a fundamental and urgent duty.